TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Huỳnh Tấn P
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Huỳnh Kim P
2. Bà Trần Thị Tuyết N
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Hồ Quế T –Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LH tham gia phiên toà:* Không tham gia

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Anh Đ, sinh năm 1981(Xin vắng mặt); Địa chỉ: ấp BP, xã BN, thị xã TA, tỉnh BD.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1978 (Có mặt); Địa chỉ: ấp HQ, xã HN, huyện LH, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị Anh Đ trình bày: Vào năm 2013 quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2014 tại UBND xã HN, huyện LH, tỉnh VL. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, anh T thường cải nhau, bất đồng quan điểm sống nên hai người sống ly thân cho đến nay. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể tiếp tục nên chị Đ yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra chị Trần Thị Anh Đ có đơn yêu cầu Tòa án cho chị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Anh Nguyễn Minh T không có bản tự khai cũng như không có tham dự phiên hòa giải.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn trình bày: Năm 2013 quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2014 tại UBND xã HN, huyện LH, tỉnh VL. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung cho đến nay. Anh T đồng ý ly hôn. Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Anh Đ có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Nguyễn Minh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết tìm hiểu nhau chị Đ và anh T tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 29/12/2014 tại UBND xã HN, huyện LH, tỉnh VL.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Anh Đ, Tòa án xét thấy: nguyên đơn và bị đơn chung sống hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Bản thân các đương sự đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không được, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, anh T thống nhất với lời trình bày của chị Đ về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân và đồng ý ly hôn với chị Đ. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: không có nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Anh Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Anh Đ được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Trần Thị Anh Đ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0004686 ngày 03/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH, tỉnh VL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai vắng mặt các đương sự. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND xã cư trú./.

CÁC HỘI THẨM

Trần Thị Tuyết Nga

Huỳnh Kim Phượng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Tấn Phong